

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TĐC21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02169** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Mạch điện**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTĐC0264	Nguyễn Phúc An	24/06/2006			8	7	9	6	7				2.0	0.0	4.2
2	21BTĐC0265	Lê Hoàng Anh	11/04/2006			7	9	7	8	8				2.0	0.0	4.3
3	21BTĐC0266	Huỳnh Văn Thái Bình	22/06/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTĐC0267	Huỳnh Văn Bo	19/04/2006			9	7	8	8	7				0.0	5.0	6.1
5	21BTĐC0268	Lê Nguyễn Tiến Đạt	21/02/2006			7	7	6	7	7				5.0		5.7
6	21BTĐC0269	Phùng Văn Đông	22/04/2006			8	7	7	7	6				2.5	5.0	5.8
7	21BTĐC0270	Nguyễn Nhật Trường	12/01/2006			8	9	9	8	9				5.0		6.5
8	21BTĐC0271	Nguyễn Hồng Gia	19/11/2005			8	9	8	8	9				5.0		6.4
9	21BTĐC0272	Đỗ Văn Hậu	29/04/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTĐC0273	Ngô Nguyễn Hoàng Hiếu	10/11/2005			6	7	6	5	6				5.0		5.4
11	21BTĐC0274	Ông Xuân Hòa	12/11/2004			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
12	21BTĐC0275	Phan Tấn Hoàng	06/12/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTĐC0276	Nguyễn Huỳnh Bảo Hôn	22/06/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTĐC0277	Dương Lý Khang	09/01/2006			7	6	7	6	7				5.0		5.7
15	21BTĐC0278	Ngô Tuấn Khang	29/11/2006			8	7	8	7	7				5.0		6.0
16	21BTĐC0279	Nguyễn Nhựt Khang	15/08/2006			7	6	7	6	6				4.5		5.3
17	21BTĐC0280	Trần Minh Khánh	07/07/2006			7	6	6	6	8				5.0		5.7
18	21BTĐC0281	Đỗ Anh Kiệt	27/03/2006			9	8	9	8	9				5.0		6.5
19	21BTĐC0282	Lâm Tuấn Kiệt	12/07/2006			7	6	6	7	7				5.0		5.7
20	21BTĐC0283	Võ Tuấn Kiệt	18/11/2006			6	6	7	6	6				5.0		5.5
21	21BTĐC0284	Trần Chí Linh	28/02/2006			7	8	6	6	7				5.0		5.7
22	21BTĐC0285	Trần Thiên Quốc Lộc	04/12/2004			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
23	21BTĐC0286	Nguyễn Hữu Lượng	04/12/2006			9	8	8	7	9				7.0		7.5
24	21BTĐC0287	Giang Tấn Mạnh	10/12/2005			6	7	7	8	7				5.0		5.9
25	21BTĐC0288	Võ Hoàng Nam	11/03/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
26	21BTĐC0289	Nguyễn Huỳnh Ngân	31/10/2006			7	7	6	6	8				5.0		5.7
27	21BTĐC0290	Lương Thế Phong	01/06/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
28	21BTĐC0291	Nguyễn Bảo Phúc	23/06/2006			6	6	7	7	6				5.0		5.6
29	21BTĐC0292	Nguyễn Hoàng Phúc	28/01/2006			6	7	6	6	8				5.0		5.7
30	21BTĐC0293	Hà Quốc Thắng	27/12/2006			7	7	6	7	7				5.0		5.7
31	21BTĐC0294	Ngô Trung Thành	22/02/2006			8	8	7	8	8				5.0		6.1
32	21BTĐC0295	Nguyễn Trung Tín	02/02/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
33	21BTĐC0296	Võ Thành Tín	01/05/2003			6	6	7	7	6				5.0		5.6
34	21BTĐC0297	Giang Quốc Toàn	22/09/2006			7	7	7	8	7				0.0	0.0	2.9
35	21BTĐC0298	Nguyễn Hữu Toàn	25/06/2006			6	7	7	6	7				5.0		5.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
36	21BTĐC0299	Lương Khiết Tường	23/08/2006			7	7	6	6	6		5.0		5.5
37	21BTĐC0300	Mã Vĩnh Tường	14/10/2006			0	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 17 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Bảo Quốc